

Bản án số: 104/2022/HS-ST
Ngày 16-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm M Hùng

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số: 45/2022/HSST-QĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 49/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

- Các bị cáo:

1. Trần Văn D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1994 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn C, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Trần Khắc T và bà Nguyễn Thị H; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2021; có mặt.

2. Phạm Văn V, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1994 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị N; đã có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/4/2022; có mặt.

3. Trần Văn T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1999 tại Hải Phòng; nơi cư trú:

Thôn X, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022; có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1995 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022; có mặt.

5. Nguyễn Hoàng Hải, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1996 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Hùng, Thị trấn Minh Đức, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022; có mặt.

6. Đào Văn M, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1993 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Thôn Trại, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn X, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông Đào Văn Cam và bà Nguyễn Thị Thủy; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Văn D; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố Phụng Hoàng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị N; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn 6, xã Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

3. Vũ Văn T; sinh năm: 1987; nơi cư trú: TDP Phụng Hoàng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bùi Thị L; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Khu Hoàng Tôn, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

5. Vũ T H; sinh năm: 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng Long, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

6. Nguyễn Thị D; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Khu Hoàng Tôn, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

7. Nguyễn Thị H; sinh năm: 1969; nơi cư trú: TDP Quyết Thắng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
8. Nguyễn Văn H; sinh năm: 1978; nơi cư trú: TDP Quyết Thắng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
9. Hoàng Thế T; sinh năm: 1981; nơi cư trú: TDP Bạch Đằng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
10. Vũ Thị G; sinh năm: 1967; nơi cư trú: TDP Phụng Hoàng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
11. Đỗ Thị Hồng N; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Khu Hoàng Tôn, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
12. Trần Thị H; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn 8 , xã Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
13. Bùi Thị T; sinh năm: 1968; nơi cư trú: TDP Đà Nẵng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
14. Vũ Thị H; sinh năm: 1954; nơi cư trú: Số 16, đường Bạch Đằng, Thị trấn Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
15. Lê Văn H; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn Quán, xã Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
16. Lê Thị Cẩm Q; sinh năm: 1984; nơi cư trú: TDP Quyết Thắng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
17. Bùi Ngân T; sinh năm: 1983; nơi cư trú: TDP Quyết T, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
18. Đỗ Thị H; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn 5, xã Hòa Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
19. Bùi Thị X; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Khu Mặt Bằng, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
20. Phạm Văn L; sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn Bắc, xã A, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
21. Lê Hồng H; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn 2, xã Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
22. Nguyễn Văn K; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn Tây, xã Trung H, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
23. Lê Văn T; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn 7, xã Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
24. Phạm Thị Đ; sinh năm: 1968; nơi cư trú: Thôn 10, xã H Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
25. Quách Công T; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố Hoàng L, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

26. Trần Văn H; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Tây, xã Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
27. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn Mánh, xã Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
28. Nguyễn Thị H; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn Tây, xã Trung H, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
29. Nguyễn Thị N; sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
30. Bùi Thị N; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Xóm Sim, xã A, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
31. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
32. Nguyễn Phú G; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Số 170 Hm L, Thị trấn Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
33. Phạm N T; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thị trấn Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
34. Phạm Văn Q; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn 2, xã H Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
35. Bùi Thị T; sinh năm: 1982; nơi cư trú: xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
36. Trịnh Nguyên N; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Rúp, xã Trung H, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
37. Trần Văn H; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn 1, xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
38. Đỗ Thị H; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Thôn 4, xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
39. Hng Văn T (vợ là Trần Thị LA); sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Sáu Phiên, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
40. Đỗ Thị Miên; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã Trung H, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
41. Trần Thị T; sinh năm: 1972; nơi cư trú: An Tiến, xã Trung H, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
42. Lê Văn V; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn 7, xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
43. Nguyễn Thị B; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn 2, xã H B, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
44. Đào Thị PH L; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn 2, xã H B, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

45. Bùi Văn C; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn 12, xã Ngũ Lão, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
46. Phạm Văn Hng; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn A, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
47. Phạm Thị L; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn Trại, xã Trung H, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
48. Đỗ V Anh; sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn 8, xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
49. Nguyễn Thị B; sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn X, xã T Đường, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
50. Đinh Văn V; sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn 3, xã Phả Lễ, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
51. Nguyễn Văn M; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn 8, xã Ngũ Lão, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
52. Nguyễn Thị D; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn 4, xã Ngũ Lão, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
53. Nguyễn Thị T; sinh năm: 1973; nơi cư trú: An Trại, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
54. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã Trung H, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
55. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn 8, xã Ngũ Lão, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
56. Trần Thế O; sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn A, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
57. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Trần Văn T); sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn 7, xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
58. Phạm Văn C; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn Bắc, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
59. Nguyễn Hữu K; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn Kinh Triều, xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
60. Đỗ Hữu P; sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn 9, xã Ngũ Lão, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
61. Vũ Văn P; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn 3, xã Tam H, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
62. Đinh Văn Đ; sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.
63. Nguyễn Phú P; sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn 1, xã Minh Tân, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

64. Trương Thị Q; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Đường Nng, xã Lập Lễ, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

65. Trần Quang K; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Xã T Triều, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người liên quan đến vụ án được Tòa án triệu tập:*

1. Trần Văn H; sinh năm: 1998; nơi cư trú: An Hồ, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn L; sinh năm: 1994; nơi cư trú: An Lập, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn Hiền; sinh năm: 2002; nơi cư trú: An H, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bùi Văn NH; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn Bắc, xã A, T Nguyên, Hải Phòng; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Trần Văn D, sinh năm: 1994, chỗ ở: Thôn C, xã A, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng sử dụng tiền cá nhân để tổ chức cho vay lãi trên địa bàn huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng qua Hi hình thức cho vay họ góp (trả lãi, gốc theo ngày) và cho vay lãi nằm (trả lãi theo ngày hoặc nhiều ngày một lần, gốc trả khi không vay nữa). D thuê 03 địa điểm tại thôn An T, xã A, thôn 7, xã T Triều và thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ, huyện T Nguyên, treo biển cơ sở Khang T để T Hnh hoạt động cho vay lãi.

Chiều ngày 23/12/2021, sau khi đi thu tiền lãi trong ngày, các đối tượng trên tập trung về cơ sở tại thôn An T, xã A. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết H cùng Công an xã A kiểm tra cơ sở trên, phát hiện các đối tượng đang có Hnh vi thu tiền lãi của 04 người vay cư trú trên địa bàn huyện T Nguyên nên đã T Hnh bắt quả tang để xử L.

Quá trình bắt giữ, Cơ quan Công an đã thu giữ số tiền 51.100.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để cho vay lãi, nhiều điện thoại di động, thu của 04 trường H đến đóng họ góp Hng ngày cho các đối tượng số tiền 5.300.000 đồng. Km xét khản cấp cơ sở tại thôn 7, xã T Triều thu giữ 05 sổ ghi chép các khoản vay lãi, 01 giấy chứng nhận hộ kinh doanh, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hng Hải; 14 túi nilon đựng giấy vay tiền; 02 giấy quảng cáo vay tiền; Km xét khản cấp cơ sở tại thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ thu giữ 01 đăng ký kinh doanh mang tên Đào Văn M, 01 H đồng thuê nhà.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định:

*** Tại cơ sở Khang T tại thôn An T, xã A, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng:**

Tại địa điểm này, D thuê Phạm Văn V, sinh năm: 1994, chỗ ở: Thôn An Hồ, xã A, T Nguyên, quản L giấy tờ, danh sách người vay, số liệu người đóng lãi Hng ngày; thuê Trần Văn T, sinh năm: 1999, chỗ ở: Thôn X, xã T Đường, huyện T Nguyên quản L tiền cho vay và tiền lãi được thu về; thuê Nguyễn Văn N, sinh năm: 1995, chỗ ở: Thôn A, xã A và Trần Văn H, sinh năm: 1998, nơi cư trú: Thôn An Hồ, xã A làm nhiệm vụ đi thu tiền lãi Hng ngày. Danh sách người vay, số liệu tiền cho vay, tiền thu lãi Hng ngày được các đối tượng quản L chung trên ứng dụng quản L cầm đồ Mecash, đăng ký tài khoản có tên “Lphehp”, sau đó sử dụng điện thoại di động đăng nhập vào ứng dụng Mecash để quản L những người vay tiền, số tiền, thời hạn đóng lãi... Khi có Kch L hệ vay tiền, các đối tượng hẹn đến cửa Hng để làm H đồng vay. H đồng được soạn sẵn, chỉ được lập 01 bản do các đối tượng giữ, Kch Hng điền nội D trong bản H đồng và ký tên. Dữ liệu trong ứng dụng quản L cầm đồ Mecash cho thấy các đối tượng đã cho vay 09 khoản lãi năm, 180 khoản vay họ góp. Cơ quan điều tra đã làm rõ được 46 khoản vay, cụ thể:

1- Anh Lê Văn D, sinh năm: 1983, chỗ ở: Tổ dân phố Phụng Hng, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên:

- Ngày 19/4/2021, Lê Anh D vay bắt họ góp 100 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 2 triệu đồng, thời hạn trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh D đã tHnh toán xong. Tiền lãi đã thu được là 20.000.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 16,718,000 đồng.

- Ngày 24/11/2021, anh D vay bắt họ góp 100 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 2 triệu đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh D đã đóng được 19 ngày. Tiền lãi đã thu được là 6.333.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 5.292.000 đồng.

2- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1976, chỗ ở: Thôn 6, xã Ngũ Lão, huyện T Nguyên: Ngày 25/11/2021, chị N vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị N đã đóng được 22 ngày. Tiền lãi đã thu được là 1.466.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.224.000 đồng.

3- Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1987, chỗ ở: Tổ dân phố Phụng Hng, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên:

- Ngày 20/9/2021, anh T vay bắt họ 200 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 4 triệu đồng tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã tHnh toán xong gốc và lãi. Tiền lãi thu được là 40.000.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 33.346.000 đồng.

- Ngày 20/11/2021, anh T vay bắt họ 200 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 4 triệu đồng tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã đóng được 19 ngày. Tiền lãi thu được là 12.666.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 10.584.000 đồng.

4- Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1982, chỗ ở: Thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên vay 6 bát họ:

- Ngày 26/6/2021, chị L vay bát họ 15 triệu đồng (bát 1), trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị L đã đóng được 30 ngày thì vay bát họ thứ 2, khi vay bát họ thứ 2 thì chị L phải trả số tiền chưa đóng của bát họ 1. Như vậy chị L phải tHnh toán hết bát họ 1 trong 30 ngày, nên xác định tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 2.775.000 đồng, lãi suất là 243.3%/năm.

- Ngày 26/7/2021, chị L vay bát họ thứ 2, 15 triệu đồng, với thỏa thuận như trên, trả được 30 ngày, đến ngày 26/8/2021, chị L vay bát thứ 3, tHnh toán bát họ thứ 2. Xác định tiền lãi đã thu được là 3.000.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 2.775.000 đồng, lãi suất là 243.3%/năm.

- Tương tự, các ngày 26/8/2021, 27/9/2021, 27/10/2021, chị L vay bát họ thứ 3, 4, 5. Đến ngày 28/11/2021, chị L tHnh toán xong 5 bát họ, vay bát họ thứ 6 với số tiền 15 triệu đồng như trên, bát họ này chị L tHnh toán được 25 ngày, tiền lãi là 1.250.000 đồng, lãi bất C là 1.045.000đ.

5- Anh Vũ T H, sinh năm: 1979, chỗ ở: Tổ dân phố Hng L, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 05/12/2021, anh H vay bát họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh H đã trả được 18 ngày. Tiền lãi thu được là 600.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 502.000 đồng.

6- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1984, chỗ ở: Tổ dân phố Hng Tôn, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 11/12/2021, chị D vay bát họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị D đã trả được 11 ngày. Tiền lãi thu được là 550.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 460.000 đồng.

7- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969, chỗ ở: Tổ dân phố Quyết T, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên:

- Ngày 05/10/2021, bà H vay bát họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà H đã trả được 30 ngày, tHnh toán xong. Tiền lãi thu được là 4.000.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 3.700.000 đồng. Lãi suất 243.3%/năm.

- Ngày 05/11/2021, bà H vay bát họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà H đã trả được 35 ngày. Tiền lãi thu được là 4.000.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 3.650.000 đồng, lãi suất là 208,5%/năm.

- Ngày 10/12/2021, bà H vay bát họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà H đã trả được 12 ngày. Tiền lãi thu được là 800.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 669.000

đồng.

8- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978, chỗ ở: Thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 10/12/2021, anh H vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh H đã trả được 15 ngày. Tiền lãi thu được là 500.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 418.000 đồng.

9- Anh Hng Thế T, sinh năm: 1981, chỗ ở: Tổ dân phố Bạch Đằng, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 10/12/2021, anh T vay bắt họ 50 triệu đồng, trả cả gốc và lãi Hng ngày 1 triệu đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 14 ngày. Tiền lãi thu được là 2.333.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.950.000 đồng.

10- Bà Vũ Thị G, sinh năm: 1967, chỗ ở: Tổ dân phố Phụng Hng, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 08/12/2021, bà G vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà G đã trả được 8 ngày. Tiền lãi thu được 533.000 đồng, thu lợi bắt C 446.000 đồng.

11- Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm: 1983, chỗ ở: Khu Hng Tôn, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 17/12/2021, chị N vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày. Chị N đã trả được 8 ngày. Tiền lãi được là 266.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 223.000 đồng.

12- Chị Trần Thị H, sinh năm: 1980, chỗ ở: thôn 8, xã Ngũ Lão, huyện T:

- Đầu tháng 10/2021, chị H vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị H đã tHnh toán xong. Tiền lãi thu được là 2.000.000 đồng, thu lợi bắt C 1.700.000 đồng.

- Ngày 12/12/2021, chị H vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị H đã trả được 11 ngày. Tiền lãi thu được là 366.000 đồng, thu lợi bắt C 306.000 đồng.

13- Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1968, chỗ ở: Tổ dân phố Đà Nẵng, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 16/11/2021, bà T vay bắt họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà T đã trả được 32 ngày. Tiền lãi các đối tượng đã thu được là 1.600.000 đồng, thu lợi bắt C là 1.337.000 đồng.

14- Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1954, chỗ ở: Số 16, đường Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện T, thành phố Hải Phòng: Ngày 12/11/2021, bà H vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà H đã trả được 41 ngày. Tiền lãi thu được là 1.366.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.142.000 đồng.

15- Anh Lê Văn H, sinh năm: 1992, chỗ ở: thôn Quán, xã T, huyện T, thành

phố Hải Phòng: Ngày 25/10/2021, anh H vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 400.000 đồng, L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh H đã trả được 59 ngày. Tiền lãi thu được là 3.933.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 3.287.000 đồng (đến nay đã trả xong).

16- Chị Lê Thị Cẩm Q, sinh năm 1984, chỗ ở: khu Quyết T, thị trấn Minh Đức, huyện T, thành phố Hải Phòng:

- Ngày 29/11/2021, chị Q vay bắt họ 40 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 800.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị Q đã trả được 20 ngày. Tiền lãi thu được là 2.666.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 2.228.000 đồng.

- Ngày 22/11/2021, chị Q vay khoản lãi năm 30 triệu đồng với lãi suất 3.300đ/1 triệu tiền vay/1 ngày, tương đương với lãi suất 120%/năm. Chị Q đã trả lãi được 1 tháng là 2.970.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 2.477.000 đồng.

17- Anh Bùi Ngân T, sinh năm: 1983, chỗ ở: TDP Quyết T, thị trấn Minh Đức, huyện T, thành phố Hải Phòng: Ngày 12/12/2021, anh T vay bắt họ 150 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 3 triệu đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 6 ngày. Tiền lãi thu được là 3 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 2.507.000 đồng.

18- Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1978, chỗ ở: Thôn 5, xã H B, huyện T, thành phố Hải Phòng: Ngày 19/12/2021, chị H vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị H đã trả được 5 ngày. Tiền lãi thu được là 166.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 134.000 đồng.

19- Chị Bùi Thị X, sinh năm: 1974, chỗ ở: Khu Mặt Bằng, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 15/12/2021, chị X vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị X đã trả được 6 ngày. Tiền lãi thu được là 200.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 167.000 đồng (đến nay đã trả xong).

20- Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1972, chỗ ở: Thôn Bắc, xã A, huyện T Nguyên: Ngày 21/3/2021, anh L vay bắt họ 40 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 800.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh L đã trả được 41 ngày. Tiền lãi thu được là 5 triệu đồng, thu lợi bất C 4.500.000 đồng.

21- Anh Lê Hồng H, sinh năm: 1988, chỗ ở: Thôn 2, xã T Triều, huyện T Nguyên: Ngày 18/12/2021, anh H vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc là lãi Hng ngày 400.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh H đã trả được 5 ngày. Tiền lãi thu được là 333.000 đồng, thu lợi bất C là 278.000 đồng.

22- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1988, chỗ ở: Thôn T, xã Trung H, huyện T Nguyên:

- Tháng 5/2021, anh K vay bắt họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Đã trả xong. Tiền lãi thu được là 3 triệu đồng, thu lợi bắt C 2.550.000 đồng.

- Ngày 19/11/2021, anh K vay bắt họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Đã trả được 40 ngày. Tiền lãi thu được là 2 triệu đồng, thu lợi bắt C 1.671.000 đồng.

23- Anh Lê Văn T, sinh năm: 1976, chỗ ở: Xã T Triều, huyện T Nguyên:

- Tháng 5/2021, anh T vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 400.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả xong. Tiền lãi thu được 4.000.000 đồng, thu lợi bắt C là 3.400.000 đồng.

- Ngày 16/11/2021, anh T vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày là 400.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 41 ngày. Tiền lãi thu được 2.400.000 đồng, thu lợi bắt C là 2.000.000 đồng.

24- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1968, chỗ ở: Thôn 10, xã H B, huyện T Nguyên: Ngày 14/11/2021, bà Đ vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Bà Đ đã trả được 35 ngày. Tiền lãi thu được là 1.160.000 đồng, thu lợi bắt C là 974.000 đồng.

25- Anh Quách Công T, sinh năm: 1976, chỗ ở: Tổ dân phố Hng L, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên: Ngày 29/11/2021, anh T vay bắt họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 24 ngày. Tiền lãi thu được là 1.200.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.002.000 đồng. (đã trả hết nợ gốc)

26- Anh Trần Văn H, sinh năm: 1985, chỗ ở: Thôn T, xã T Triều, huyện T Nguyên: Ngày 03/12/2021, anh H vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh H đã trả được 20 ngày. Tiền lãi thu được là 1.333.000 đồng, thu lợi bắt C là 1.114.000 đồng (đến nay đã trả xong).

27- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, chỗ ở: thôn Mánh, T, T: Ngày 04/12/2021, anh T vay bắt họ 5 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 30 ngày, lãi suất 243,3%/năm. Anh T đã trả được 23 ngày. Tiền lãi thu được là 766.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 703.000 đồng.

28- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970, chỗ ở: thôn T, xã Trung H, T: Ngày 02/12/2021, chị H vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị H đã trả được 21 ngày. Tiền lãi thu được là 700.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 404.000 đồng (đến nay đã trả xong).

29- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1973, thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện T: Ngày 07/11/2021, chị N vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày

200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị N đã trả được 54 ngày. Tiền lãi thu được là 1.800.000 đồng, thu lợi bất C là 1.504.000 đồng (đã trả hết nợ gốc).

30- Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1984, chỗ ở: xóm Sim, xã A, huyện T: Ngày 8/11/2021, chị N vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị N đã trả được 45 ngày. Tiền lãi thu được là 1.500.000 đồng, thu lợi bất C là 1.254.000 đồng

31- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982, chỗ ở: Thị trấn Minh Đức, huyện T: Ngày 24/11/2021, anh T vay bất hộ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 28 ngày. Tiền lãi thu được là 1.400.000 đồng, thu lợi bất C 1.170.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

32- Anh Nguyễn Phú G, sinh năm: 1992, chỗ ở: 170 Hm L, thị trấn Núi Đèo, huyện T: Ngày 12/12/2021, anh G vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh G đã trả được 9 ngày. Tiền lãi thu được là 300.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 250.000 đồng.

33- Anh Phạm N T, sinh năm: 1983, ở Thị Trấn Núi Đèo, huyện T: Ngày 15/12/2021, anh T vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 10 ngày. Tiền lãi thu được là 333.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 278.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

34- Anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1988, chỗ ở: Thôn 2, xã H B, T: Ngày 13/12/2021, anh Q vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh Q đã trả được 10 ngày. Tiền lãi thu được là 333.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 278.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

35- Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1982, chỗ ở xã A, huyện T: Ngày 8/12/2021, chị T vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị Thuỷ đã trả được 20 ngày. Tiền lãi thu được là 666.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 557.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

36- Anh Trịnh Nguyên N, sinh năm: 1985, chỗ ở: thôn Rúp, xã Trung H, huyện T: Ngày 6/12/2021, anh N vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh N đã trả được 15 ngày. Tiền lãi thu được là 500.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 414.000 đồng (đã trả xong).

37- Anh Trần Văn H, sinh năm: 1986, chỗ ở: thôn 1, xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 26/11/2021, anh H vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh H đã trả

được 25 ngày. Tiền lãi thu được là 833.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 696.000 đồng (đã trả xong).

38- Chị Đỗ Thị H, sinh năm:1971, chỗ ở: Thôn 4, xã T Triều, huyện T Nguyên: Ngày 16/12/2021, chị H vay bát họ 5 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 30 ngày tương đương lãi suất 243,3%/năm. Chị H đã trả được 5 ngày. Tiền lãi thu được là 166.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 152.000 đồng.

39- Anh Hng Văn T, sinh năm: 1985, chỗ ở: thôn Sáu Phiên, xã A, huyện T: Ngày 17/12/2021, anh Tvay bát họ 60 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh T đã trả được 5 ngày. Tiền lãi thu được là 1.000.000 đồng, thu lợi bất C là 835.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

40- Chị Đỗ Thị Miên, sinh năm: 1985, chỗ ở: xã Trung H, huyện T: Ngày 17/12/2021, chị Miên vay bát họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị Miên đã trả được 5 ngày. Tiền lãi thu được là 166.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 139.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

41- Chị Trần Thị T, sinh năm: 1972, chỗ ở: xã Trung H, huyện T: Ngày 16/12/2021, chị Tvay bát họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị Thuỷ đã trả được 4 ngày. Tiền lãi thu được là 200.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 167.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

42- Anh Lê Văn V, sinh năm: 1986, chỗ ở: xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 13/12/2021, anh V vay bát họ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh V đã trả được 10 ngày. Tiền lãi thu được là 500.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 425.000 đồng.

43- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1975, chỗ ở: Thôn 2, xã H B, huyện T: Ngày 02/12/2021, chị B vay bát họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị B đã trả được 20 ngày. Tiền lãi thu được là 666.000 đồng, thu lợi bất C là 557.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

44- Chị Đào Thị PH L, sinh năm: 1974, chỗ ở: xã H B, huyện T: Ngày 13/12/2021, chị L vay bát họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị L đã trả được 8 ngày. Tiền lãi thu được là 266.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 222.000 đồng (đã trả hết tiền gốc).

45- Anh Bùi Văn C, sinh năm: 1982, chỗ ở: xã Ngũ Lão, huyện T: Ngày 03/12/2021, anh Cvay bát họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh C đã trả được 21

ngày. Tiền lãi thu được là 700.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 584.000 đồng.

46- Anh Phạm Văn Hng, sinh năm: 1991, chỗ ở: Thôn A, xã A, huyện T Nguyên: Ngày 07/12/2021, anh Hng vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh Hng đã trả được 25 ngày. Tiền lãi thu được là 833.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 696.000 đồng.

Toàn bộ hoạt động cho vay lãi nặng của cơ sở này được D giao cho Phạm Văn V. V chỉ đạo, quản L việc cho vay, thu lãi. Trần Văn T là người duyệt cho vay, quản L tiền, nhập số liệu vào phần mềm, báo cáo kết quả cho V, D. Nguyễn Văn N là người giúp sức, cho vay và trực tiếp đi thu lãi của 37/46 người nêu trên, gồm: Lê Văn D, Nguyễn Thị N, Vũ Văn T, Bùi Thị L, Vũ T H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H, Hng Thế T, Vũ Thị G, Đỗ Thị Hồng N, Trần Thị H, Bùi Thị T, Vũ Thị H, Lê Văn H, Lê Thị Cẩm Q, Bùi Ngân T, Đỗ Thị H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Bùi Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Phú G, Phạm N T, Phạm Văn Q, Bùi Thị T, Trịnh Nguyên N, Trần Hải H, Đỗ Thị H, Đỗ Thị Miên, Trần Thị T, Lê Văn V, Nguyễn Thị B, Đào Thị PH L, Bùi Văn C, Phạm Văn Hng. Số còn lại chuyển khoản hoặc đến trực tiếp cơ sở Khang T để nộp tiền lãi.

Tổng số tiền các đối tượng cho vay đã chứng minh được tại cơ sở này là 1.630.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu được là 163.936.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 138.224.000 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, Hi trăm Hi mươi bốn nghìn đồng*). Trong đó, Nguyễn Văn N tHm gia cho vay và trực tiếp thu tiền lãi của 37 trường H nêu trên với số tiền cho vay là 1.375.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 118.110.000 (*Một trăm mười tám triệu, một trăm mười một nghìn đồng*).

***Tại cơ sở Khang T, Thôn 7, xã T Triều, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng:**

Tại địa điểm này, D thuê Nguyễn Hng Hải, sinh năm: 1996, chỗ ở: Tổ dân phố Quyết H, thị trấn Minh Đức, huyện T Nguyên quản L, phụ trách toàn bộ việc cho vay và thu hồi tiền lãi; thuê Nguyễn Văn Hiên, sinh năm: 2002, nơi cư trú: Thôn An H, xã A giúp Hải trông coi quán. Danh sách người vay, số tiền cho vay, tiền thu lãi hằng ngày tại cơ sở này được Nguyễn Hng Hải quản L trong 05 sổ đã thu giữ. Dữ liệu ghi nhận trong 05 sổ xác định các đối tượng đã cho vay 164 khoản. Cơ quan điều tra đã làm rõ được 13 người vay với các khoản vay cụ thể như sau:

1- Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1995, chỗ ở: Thôn Trại, xã Trung H, huyện T Nguyên:

- Ngày 24/9/2019, chị L vay 10 triệu đồng lãi năm với lãi suất 4000/1 triệu tiền vay/1 ngày tương đương 146%/năm. Chị L đã trả lãi được 16 tháng là 19.200.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 16.570.000 đồng.

- Ngày 01/2/2021, chị L vay 15 triệu đồng lãi năm với lãi suất như trên. Chị L đã trả lãi được 10 tháng là 18 triệu đồng. Thu lợi bất C 15.535.000 đồng.

2- Anh Đỗ V Anh, sinh năm: 2000, chỗ ở: Thôn 8, xã T Triều, huyện T Nguyên:

- Tháng 7/2021, anh V Anh vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi hằng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh V Anh đã trả xong bất hộ này. Tiền lãi thu được là 2 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 1.671.000 đồng.

- Ngày 23/9/2021, anh V Anh vay bất hộ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi hằng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm. Anh V Anh đã trả xong bất hộ này. Tiền lãi thu được là 3 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 2.507.000 đồng.

- Ngày 05/11/2021, anh V Anh tiếp tục vay bất hộ 15 triệu đồng với hình thức như trên. Anh V Anh đã trả xong bất hộ này. Tiền lãi thu được là 3 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 2.507.000 đồng.

- Ngày 04/12/2021, anh V Anh tiếp tục vay bất hộ 15 triệu đồng với hình thức như trên, đã trả được 17 ngày. Tiền lãi thu được là 850.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 711.000 đồng.

3- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972, chỗ ở: Thôn X, xã T Đường, huyện T Nguyên: Ngày 16/12/2021, chị B vay bất hộ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hằng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm. Chị B đã trả được 8 ngày. Tiền lãi thu được là 266.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 223.000 đồng.

4- Anh Đinh Văn V, sinh năm: 1983, chỗ ở: Thôn 3, xã Phả Lễ, huyện T Nguyên:

- Ngày 13/10/2021, anh V vay bất hộ 15 triệu đồng, trả gốc và lãi hằng ngày 300.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm, đã trả xong bất hộ này. Tiền lãi thu được là 3 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 2.507.000 đồng.

- Ngày 26/10/2021, anh V vay bất hộ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hằng ngày 400.000 đồng trong 60 ngày, tương đương 121,7%/năm, đã trả xong bất hộ này. Lãi suất thu được là 4 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 3.343.000 đồng.

- Ngày 02/11/2021, anh V vay bất hộ 15 triệu đồng hình thức như trên, đã trả xong. Tiền lãi thu được là 3 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 2.507.000 đồng.

- Ngày 19/11/2021, anh V vay bất hộ 20 triệu đồng hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã trả xong. Tiền lãi thu được là 4 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 3.343.000 đồng.

- Ngày 01/12/2021, anh V vay bất hộ 15 triệu đồng hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã trả được 10 ngày, tiền lãi thu được là 500.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 418.000 đồng.

- Ngày 06/12/2021, anh V vay bắt họ 15 triệu đồng hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã trả được 15 ngày, tiền lãi thu được là 750.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 627.000 đồng.

- Ngày 10/12/2021, anh V vay bắt họ 20 triệu đồng hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã đóng được 5 ngày, tiền lãi thu được là 333.000 đồng, thu lợi bắt C là 279.000 đồng.

5- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1993, chỗ ở: Thôn 8, xã Ngũ Lão, huyện T Nguyên: Ngày 19/01/2021, anh M vay 10 triệu đồng lãi năm, lãi suất 3000đ/1 triệu tiền vay/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm. Anh M đã đóng được 11 tháng. Tiền lãi thu được là 9.900.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 8.092.000 đồng.

6- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989, chỗ ở: Thôn 4, xã Ngũ Lão, huyện T Nguyên:

- Ngày 23/10/2021, chị D vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm, đã trả xong bắt họ. Tiền lãi thu được là 2 triệu đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.672.000 đồng.

- Ngày 15/11/2021, chị D tiếp tục vay bắt họ 10 triệu đồng hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã trả xong. Tiền lãi thu được là 2 triệu đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.672.000 đồng.

- Ngày 08/12/2021, chị D tiếp tục vay bắt họ 10 triệu đồng hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã trả xong. Tiền lãi thu được là 2 triệu đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.672.000 đồng.

- Ngày 18/12/2021, chị D vay 10 triệu lãi năm với lãi suất 3.300đ/1 triệu tiền vay/1 ngày tương đương 121,7%/năm. Chị D đã trả được 1 tháng lãi là 1 triệu đồng, tiền thu lợi bắt C là 836.000 đồng.

7- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973, chỗ ở: Thôn An Trại, xã A, huyện T Nguyên:

- Ngày 05/10/2021, chị T vay bắt họ 10 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 200.000 đồng L tục trong 60 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm và đã trả xong. Tiền lãi thu được là 2 triệu đồng, tiền thu lợi bắt C là 1.672.000 đồng.

- Ngày 08/11/2021, chị T tiếp tục vay bắt họ 10 triệu đồng với hình thức như trên, lãi suất 121,7%/năm, đã trả được 25 ngày. Tiền lãi thu được là 833.000 đồng, tiền thu lợi bắt C là 697.000 đồng.

8- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982, chỗ ở: Thôn T, xã Trung H, huyện T: Ngày 27/11/2021, anh T vay bắt họ 20 triệu đồng, trả gốc và lãi Hng ngày 400.000 đồng trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm và đã trả xong. Tiền lãi thu được là 4 triệu đồng, tiền thu lợi bắt C là 3.342.000 đồng (đã trả hết gốc).

9- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983, chỗ ở: Thôn 8, xã Ngũ Lão, huyện T: Ngày 10/01/2020, anh T vay 30 triệu đồng lãi năm với lãi suất 3000/1 triệu tiền

vay/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, anh T đã đóng được 7 tháng tiền lãi là 18.900.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 15.447.000 đồng (đã trả hết gốc).

10- Ông Trần Thế Oanh, sinh năm: 1966, chỗ ở: Thôn A, xã A, huyện T: Tháng 04/2021, ông Oanh vay bát họ 5 triệu đồng trả mỗi ngày 200.000 đồng L tục trong 30 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm và đã trả xong. Tiền lãi thu được là 1 triệu đồng, tiền thu lợi bất C là 917.000 đồng (đã trả hết gốc).

11- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986, chỗ ở: Thôn 7, xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 16/12/2021, anh T vay 20 triệu đồng lãi năm với lãi suất 3000/1 triệu tiền vay/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, anh T đã đóng tiền lãi được 10 ngày là 900.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 790.000 đồng.

12- Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1977, chỗ ở: Thôn Bắc, xã A, huyện T: Ngày 03/12/2021, anh C vay 10 triệu đồng hộ góp, mỗi ngày trả 200.000 đồng L tục trong 60 ngày, tương đương lãi suất 121,7%/năm, anh C đã trả được 20 ngày. Số tiền lãi thu được là 666.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 557.000 đồng.

13- Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1994, chỗ ở: Thôn Kinh Triều, xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 21/09/2021, anh K vay 15 triệu đồng lãi năm với lãi suất 3000/1 triệu tiền vay/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, anh K đã đóng tiền lãi được 150 ngày là 6.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 5.269.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng cho vay đã chứng minh được tại cơ sở này là 380.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu được là 113.600.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 95.383.000 đồng (*Chín mươi năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

*** Tại cơ sở Khang T tại thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng:**

Tại địa điểm này, D thuê Đào Văn M, sinh năm: 1993, chỗ ở: Thôn X, xã T Đường quản L, phụ trách toàn bộ việc cho vay và thu hồi tiền lãi; thuê Vũ Văn Tú, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Thôn A, xã A giúp M trông coi quán, thực hiện các công việc theo chỉ đạo của M. Cơ sở này được D giao nhiệm vụ chỉ cho vay các khoản lãi năm. Danh sách người vay, số liệu tiền cho vay, tiền thu lãi Hng ngày được các đối tượng quản L chung trên ứng dụng quản L cầm đồ Mecash, đăng ký tài khoản có tên “Khangthinh”, sau đó sử dụng điện thoại di động đăng nhập vào ứng dụng Mecash để quản L những người vay tiền, số tiền, thời hạn đóng lãi... Khi có Kch L hệ vay tiền, các đối tượng hẹn đến cửa Hng để làm H đồng vay. H đồng được soạn sẵn, chỉ được lập 01 bản do các đối tượng giữ, Kch Hng điền nội D trong bản H đồng và ký tên bên dưới. Dữ liệu trong ứng dụng quản L cầm đồ Mecash cho thấy các đối tượng đã cho vay 106 khoản lãi năm. Cơ quan điều tra đã làm rõ được 09 khoản vay, cụ thể:

1- Anh Đỗ Hữu P, sinh năm: 1996, chỗ ở: Thôn 9, xã Ngũ Lão, huyện T: Ngày 21/11/2021, Anh P vay 20 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 3.000

đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, anh P đã đóng tiền lãi được 11 tháng là 20.700.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 17.084.000 đồng.

2- Anh Vũ Văn P, sinh năm: 1987, chỗ ở: Thôn 3, xã Tam H, huyện T: Ngày 09/10/2020, Anh P vay 10 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 146%/năm, anh P đã đóng tiền lãi được 14 tháng là 17.600.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 15.299.000 đồng.

3- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982, chỗ ở: Thị trấn Minh Đức, huyện T: Ngày 19/10/2021, Anh T vay 10 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm, anh T đã đóng tiền lãi được 75 ngày là 3.750.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 3.339.042 đồng.

4- Anh Đinh Văn Đ, sinh năm: 1972, chỗ ở: Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ, huyện T: Ngày 08/02/2021, Anh Đ vay 5 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 146%/năm, anh Đ đã đóng tiền lãi được 330 ngày là 6.600.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 5.696.000 đồng. (đã trả hết gốc).

5- Anh Nguyễn Phú P, sinh năm: 2000, chỗ ở: Thôn 1, Minh Tân, T: Ngày 12/11/2021, Anh P vay 6 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 146%/năm, anh P đã đóng tiền lãi được 60 ngày là 1.440.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 1.112.000 đồng (đã trả xong).

6- Chị Trương Thị Q, sinh năm: 1991, chỗ ở: Đường Nng, Lập Lễ, T: Ngày 28/5/2021, chị Q vay 5 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm, chị Q đã đóng tiền lãi được 210 ngày là 5.250.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 4.675.000 đồng.

7- Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1994, chỗ ở: Thôn Kinh Triều, xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 27/12/2020, anh K vay 16 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, anh K đã đóng tiền lãi được 243 ngày là 11.700.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 9.570.000 đồng. (đã trả hết gốc)

8- Anh Trần Quang K, sinh năm: 1995, chỗ ở: Xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 22/10/2020, anh K vay 5 triệu đồng lãi năm, với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 146%/năm, anh K đã đóng tiền lãi được 430 ngày là 8.600.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 7.422.000 đồng (đã trả hết gốc).

9- Trần Văn H (trên Mecash là Nguyễn Văn H), sinh 1986, chỗ ở: Thôn 1, xã Thuỷ Triều, huyện T: Ngày 15/9/2021, anh H vay 20 triệu đồng lãi năm với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, anh H đã đóng tiền lãi được 105 ngày là 6.300.000 đồng, tiền thu lợi bất C là 5.150.000 đồng (đã trả hết gốc).

Tổng số tiền các đối tượng cho vay đã chứng minh được tại cơ sở này là 97.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu được là 81.940.000 đồng, số tiền thu lợi bất C là 69.347.000 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn D kHi nhận việc đầu tư vốn, thuê người thực hiện việc cho vay lãi từ năm 2018 đến ngày 23/12/2021 thì bị bắt quả tang. D trả công từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng. Một số đối tượng được thưởng dựa trên phần trăm số tiền lãi đã thu được trong tháng gồm: T được 5%, N được 3%, V được 5%, M được 5%.

Ngoài ra, D thuê Nguyễn Văn L, sinh năm: 1994, chỗ ở: Thôn An Lập, xã A làm nhiệm vụ nấu ăn cho các đối tượng tại cơ sở ở thôn 7, xã T Triều và làm công việc Kc. Thuê Nguyễn Văn H, sinh năm: 1994, chỗ ở: Thôn Sáu Phiên, xã A, huyện T Nguyên, Hng Thành Công, sinh năm: 1994, chỗ ở: Thôn A, xã A, huyện T Nguyên giúp sức trong việc làm sổ sách, giấy tờ vay, thu tiền lãi nH H và Công đã nghỉ việc từ giữa năm 2021 (BL118-144).

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Phạm Văn V, Nguyễn Hng Hải và Đào Văn M kHi nhận việc cho những người nêu trên vay tiền và thu lãi nặng như nêu trên (BL:209-242; 245-284; 287-312; 178-202;147-174).

Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra xác định được 65 người vay tiền nêu trên, có 46 người vay tại địa điểm Khang T, thôn An T, xã A; có 13 người vay tại địa điểm Khang T thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ; có 9 người vay tại địa điểm thôn 8, xã T Triều. Những người vay kHi trả lãi, gốc tại 3 địa chỉ trên hoặc chuyển khoản cho cho các đối tượng (BL369-603).

***Kết quả trưng cầu giám định:**

Cơ quan điều tra T Hnh giám định và trích xuất dữ liệu của 11 điện thoại di động thu giữ của các đối tượng, Cơ quan điều tra đã xác định được danh sách những người vay trong phần mềm Mecash. Tại Kết luận giám định số 181/KL-KTHS(KTS), ngày 10/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố, xác định có một số tin nhắn trong điện thoại thu giữ L quan đến việc các bị can nhắc những người vay đóng tiền, các bị can chuyển danh sách người vay để thu tiền.

Lời kHi của các bị can Trần Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Phạm Văn V, Nguyễn Hng Hải và Đào Văn M phù H với nHu, phù H với lời kHi của 68 người vay tiền, phù H với kết quả nhận dạng, kết quả giám định điện thoại, trích xuất dữ liệu điện thoại và các tài liệu Kc thu thập trong quá trình điều tra.

*** Vật chứng của vụ án gồm:**

- Thu trên mặt bàn uống nước tại nơi bắt giữ:

+ Số tiền 51.100.000đ (năm mươi một triệu một trăm nghìn đồng).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355678072051570; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 35837306338081; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 358593070563012; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu hồng đã qua sử dụng, số Imei: 353335075338031; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei:

355323085535232; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355683071371599.

- Thu của Trần Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xám đã qua sử dụng, số Imei1: 35672811763917, Imei2: 356728117345658.

- Thu của Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số Imei1: 356728117123782, Imei2: 356728117018321.

- Thu của Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei1: 355045114783406, Imei2: 355045114783404.

- Thu của Nguyễn Hng Hải 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 3572680900173446.

- Thu của Đào Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng đồng đã qua sử dụng, số Imei: 353101102582367.

- Thu của ông Trần Văn Chiến số tiền 1.000.000 đồng.

- Thu của anh Nguyễn Văn K 300.000 đồng.

- Thu của anh Lê Hồng H số tiền 2.000.000 đồng.

- Thu của anh Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 09/8/2022 các bị cáo D, T, V, N, Hải, M đã nộp 100.000.000đ tiền thu lợi bất C theo Biên lai số 0000381 ngày 09/8/2022 tại Cục Thi Hnh án dân sự thành phố Hải Phòng và đều có đơn đề nghị được áp dụng hình phạt là phạt tiền.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về nội D Cáo trạng, đều thừa nhận về Hnh vi cho vay lãi nặng đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ Q công tố luận tội: Sau khi phân tích Hnh vi, tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

- Phạt tiền bị cáo Trần Văn D mức án từ 400.000.000 đồng đến - 500.000.000 đồng.

- Phạt tiền bị cáo Phạm Văn V mức án từ 300.000.000 đồng – 350.000.000 đồng.

- Phạt tiền bị cáo Trần Văn T mức án từ 250.000.000 đồng – 300.000.000 đồng.

- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 200.000.000 đồng – 250.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Hng Hải, Đào Văn M mức án từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000đồng

***Về xử L vật chứng, tiền L quan đến tội phạm:**

Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Do Trần Văn D là người cung cấp tiền để cho vay, là người nhận lại số tiền gốc, tiền lãi, tại phiên tòa bị cáo đồng ý nhận nộp lại tiền gốc, tiền lãi 20%, để xung ngân sách nH nước và trả lại cho những người vay khoản lãi trên 20% nên buộc bị cáo Trần Văn D phải là người nộp lại số tiền đã thu được gồm:

- Số tiền gốc các bị cáo cho người L quan vay, người L quan đã trả lại cho các bị cáo, buộc bị cáo D phải nộp lại xung ngân sách nH nước (trừ 56,4 triệu đồng bị thu giữ khi bắt quả tang) gồm: Cơ sở An T 975.166.667đ + Cơ sở Thôn 7, xã T Triều 235.500.000đ + Cơ sở Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ 52.000.000đ = 1.262.666.667đ – 56.400.000đ (thu khi bắt giữ) = **1.206.266.667đ**.

- Số tiền lãi 20% theo quy định của BLDS, buộc bị cáo D nộp lại xung ngân sách nH nước gồm: Cơ sở An T: 24.694.315đ + Cơ sở Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ: 11.683.000đ + Cơ sở Thôn 7, xã T Triều 18.273.000đ = **54.707.000đồng**.

- Số tiền lãi trên 20% (lãi bất H pháp), các bị cáo thu được của những người vay tiền (L quan), buộc bị cáo trả lại những người L quan, gồm: Cơ sở An T: 138.224.000 đ + Cơ sở Thôn 7, xã T Triều: 95.383.000đ + Cơ sở Thôn Đầu cầu, xã Lập Lễ: 69.347.000đ = **302.954.000 đồng**.

- Riêng số tiền gốc các bị cáo cho người L quan vay, người L quan (người vay) chưa trả lại cho các bị cáo => buộc những người L quan phải nộp lại xung ngân sách nH nước: Cơ sở An T: 649.833.333đ + Cơ sở Thôn 7, xã T Triều 144.500.000đ + Cơ sở Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ: 45.000.000đ = **839.333.333đồng**.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS, tịch thu phát mại, sung ngân sách 6 điện thoại di động. Trả lại cho 5 bị cáo 5 điện thoại di động nH tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi Hnh án Tịch thu tiêu hủy 02 đăng ký kinh doanh. Trả lại 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hng Hải.

Số tiền thu được khi bắt quả tang 56.400.000 đồng nằm trong số tiền mà những người L quan trả cho các bị cáo gồm gốc, lãi nên tịch thu sung quỹ nH nước

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; nhận thức được Hnh vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan T Hnh tố tụng, người T Hnh tố tụng. Các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T Hnh tố tụng, người T Hnh tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] *Về việc vắng mặt của những người có Q lợi, nghĩa vụ L quan*: Những người có Q lợi nghĩa vụ L quan là những người vay lãi đã được toà án triệu tập H lệ nhiều lần nH tất cả đều vắng mặt tại phiên toà không có L do. Xét thấy những người này đều đã có lời kHi trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có Q lợi, nghĩa vụ L quan.

Về tội danh và khung hình phạt:

Lời kHi của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù H với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng trong hồ sơ vụ án, xác định:

[2] Từ năm 2018 đến ngày 23/12/2021, Trần Văn D thuê Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Phạm Văn V, Nguyễn Hng Hải và Đào Văn M thực hiện việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Trần Văn D thuê 3 địa điểm gồm: Thôn An T, xã A; Thôn 7, xã T Triều và Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ để thực hiện cho vay, thu lãi. D là người cung cấp vốn, quản L, điều Hnh toàn bộ việc cho vay, thu lãi, thuê người thực hiện, trả công.

Tại địa điểm thôn An T, xã A: Phạm Văn V là người chịu trách nhiệm C, quản L giấy tờ, danh sách người vay, số liệu người đóng lãi Hng ngày. Trần Văn T là người quản L tiền cho vay, tiền lãi thu được, thực hiện việc cho vay. Nguyễn Văn N là người cho vay, đi thu lãi đối với 37 người vay. Tại địa điểm này xác định được 46 người vay, tổng số tiền cho vay là 1.630.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 165,086,667 đồng, số tiền thu lợi bất C là 140,248,343 đồng. Trong đó Nguyễn Văn N thực hiện việc cho vay một số người, thu lãi của 37 người với tổng số tiền cho vay là 1.375.000.000 đồng, tiền thu lợi bất C là: 118.110.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu, một trăm mười nghìn đồng*).

Tại địa điểm Thôn 7, xã Thuỷ Triều: Nguyễn Hng Hải là người chịu trách nhiệm toàn bộ việc cho vay, thu lãi. Tài liệu điều tra xác định được 13 người vay, tổng số tiền cho vay là 380.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 113,600,000đ, số lãi bất C thu được là 95,326,880 đồng.

Tại địa điểm Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ: Do Đào Văn M chịu trách nhiệm việc cho vay, thu lãi. Tài liệu điều tra xác định được 9 người vay, với số tiền cho

vay là 97.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 81,940,000 đồng, số tiền thu lời bất C là 69,214,592 đồng.

Trần Văn D là người bỏ vốn, quản L, điều Hnh chung 3 cơ sở nêu trên. D trả công T, N, V, Hải, M mỗi người từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng. Một số đối tượng được thưởng dựa trên phần trăm số tiền lãi đã thu được trong tháng gồm: T được 5%, N được 3%, V được 5%, M được 5%.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Trần Văn D, Phạm Văn V, Nguyễn Văn N, Trần Văn T, Nguyễn Hng Hải, Đào Văn M đã có Hnh vi cho vay lãi nặng theo Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Phạm Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Văn N giúp sức cho bị cáo Trần Văn D cho 46 người vay tại địa điểm thôn An T, xã A với mức lãi suất từ 121,7%/năm đến 243,3%/năm, cao hơn gấp 5 lần mức lãi cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự nhằm mục đích thu lợi bất C 140,248,343 đồng. Do đó các bị cáo bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Bị cáo Nguyễn Hng Hải giúp sức cho bị cáo Trần Văn D cho 13 người vay tại địa điểm Thôn 7, xã Lập Lễ với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 146%/năm, cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ Luật Dân sự nhằm mục đích thu lợi bất C 95,326,880 đồng, do vậy bị cáo bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Bị cáo Đào Văn M giúp sức cho bị cáo Trần Văn D cho 09 người vay tại địa điểm Thôn Đầu Cầu, xã T Triều với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ Luật Dân sự nhằm thu lợi bất C 69,214,592 đồng, do vậy bị cáo bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Bị cáo Trần Văn D là người phụ trách, quản L chung cả 03 cơ sở cho vay nêu trên nên phải chịu trách nhiệm đối với việc cho vay lãi nặng của 3 cơ sở, với tổng số tiền cho vay là 2.107.000.000 đồng, tổng tiền thu lợi bất C là 304,789,815 đồng.

Do vậy bị cáo D bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[8] Hnh vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản L kinh tế của NH nước trong lĩnh vực tài C. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được Hnh vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật NH vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích kiếm lời, phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho các bị cáo. Hnh vi cho vay lãi nặng

của các bị cáo làm người vay lâm vào Hn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa pH. Vì vậy, cần xem xét xử L theo quy định của pháp luật.

[9] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân*: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn kHi báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường H ít nghiêm T nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã nộp 100.000.000đ tiền thu lợi bất C theo Biên lai số 0000381 ngày 09/8/2022 tại Cục Thi Hnh án dân sự thành phố Hải Phòng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] *Về phân hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm*: Vụ án có đồng phạm, do vậy cần phân hoá vai trò của các bị cáo để xác định mức hình phạt tương xứng.

Bị cáo Trần Văn D là người cung cấp vốn, quản L C, điều Hnh toàn bộ việc cho vay, thu lãi, thuê người thực hiện, trả công... nên bị cáo D có vai trò C và phải chịu trách nhiệm cao nhất.

Các bị cáo Phạm Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hng Hải, Đào Văn M là người giúp sức tích cực cho bị cáo D. Bị cáo V là người đứng đầu cơ sở An T, được D thuê để chỉ đạo việc cho vay và thu lãi, V chỉ đạo, điều Hnh T và N, đồng thời cơ sở này cũng là điểm cho nhiều người vay nên V đứng vai trò thứ 2 trong vụ án. Trần Văn T ở cơ sở An T chịu sự điều Hnh của V, D nH T cũng là người chỉ đạo N nên giữ vị trí thứ 3. Nguyễn Văn N là người giúp sức, cho vay với số tiền trên 1 tỷ, thu lãi trên 100 triệu, vi phạm khoản 2 Điều 201, giúp sức tích cực nên giữ vai trò thứ 4. Đối với Hải và M là người đứng đầu cơ sở Thôn 7 T Triều và Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ những những địa điểm này hoạt động cho vay với số lượng ít hơn, Hnh vi xác định vi phạm khoản 1 Điều 201 nên đứng vai trò như nHu, thứ 5 trong vụ án.

[12] *Về hình phạt*: Trên cơ sở xem xét toàn diện về mức độ nguy hiểm của Hnh vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và nhân thân của các bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt C. Xét thấy các bị cáo có đủ khả năng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt C do đó áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe phòng ngừa tội phạm. Bị cáo D có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại nên phải chịu mức hình phạt cao hơn.

[13] *Về hình phạt bổ sung*: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do đã các bị cáo đã thi hành hình phạt C là nộp tiền.

[14] *Về số tiền thu lợi bất C*: Tại phiên tòa bị cáo D tự nguyện xin đứng ra thanh lý mặt các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất C và khắc phục hậu quả. Hội đồng xét xử xét bị cáo D là người bỏ vốn, và cũng là người thu các khoản thu lợi bất C từ các khoản cho vay lãi quá mức lãi suất quy định, vì vậy cần buộc bị cáo Trần Văn D có trách nhiệm khắc phục, cũng như trả số tiền thu lợi bất C theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[14.1] Về nguyên tắc, các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội này do xuất phát từ việc giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích C đáng phục vụ sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày mà người vay phải chịu lãi nặng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của người vay, cần buộc bị cáo Trần Văn D phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (vượt quá mức lãi suất 20% của khoản vay), tổng số tiền 304,789,815 đồng, cụ thể:

- Trả lại tổng số tiền thu lợi bất C là 140,248,343 đồng, cho những người vay tại cơ sở Khang T, thôn An T, xã A, huyện T cụ thể như sau: Trả anh Lê Văn D số tiền là 22,012,033 đồng; trả chị Nguyễn Thị N 1,225,987 đồng; Trả anh Vũ Văn T 44,024,067 đồng; trả chị Bùi Thị L 14,814,125 đồng; trả anh Vũ T H 501,540 đồng; trả chị Nguyễn Thị D 459,745 đồng; trả bà Nguyễn Thị H 7,957,620 đồng; trả anh Nguyễn Văn H 417,950 đồng; trả anh Hng Thế T 1,950,433 đồng; trả bà Vũ Thị G 445,813 đồng; trả chị Đỗ Thị Hồng N 222,907 đồng; trả chị Trần Thị H 1,978,297 đồng; trả bà Bùi Thị T 1,142,39 đồng; trả bà Vũ Thị H 1.142.000 đồng; trả anh Lê Văn H 3,343,600 đồng; trả chị Lê Thị Cẩm Q 4,706,767 đồng; trả anh Bùi Ngân T, 2.507.000 đồng; trả chị Đỗ Thị H, 139,317 đồng; trả chị Bùi Thị X 167,180 đồng; trả anh Phạm Văn L 4,569,587 đồng; trả anh Lê Hồng H 1,950,433 đồng; trả anh Nguyễn Văn K 4,179,500 đồng; trả anh Lê Văn T 5,628,393 đồng; trả bà Phạm Thị Đ (Chiến) 975,217 đồng; trả anh Quách Công T 1,003,080 đồng; trả anh Trần Văn H là 1,114,533 đồng; trả anh Nguyễn Văn T là 703,762 đồng; trả chị Nguyễn Thị H là 585,130 đồng; trả chị Nguyễn Thị N là 1,504,620 đồng; trả chị Bùi Thị N 1,253,850 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 1,170,260 đồng; trả anh Nguyễn Phú G 250,770 đồng; trả anh Phạm N T 278,633 đồng; trả anh Phạm Văn Q 278,633 đồng; trả chị Bùi Thị T 557,267 đồng; trả anh Trịnh Nguyên N 417,950 đồng; trả anh Trần Văn H 348,292 đồng; trả chị Đỗ Thị H 152,992 đồng; trả anh Hng Văn T 835,900 đồng; trả chị Đỗ Thị Miên 139,317 đồng; trả chị Trần Thị T 167,180 đồng; trả anh Lê Văn V 417,950 đồng; trả chị Nguyễn Thị B 557,267 đồng; trả chị Đào Thị PH L

222,907 đồng; trả anh Bùi Văn C 585,130 đồng; trả anh Phạm Văn Hng 696,583 đồng.

- Trả lại tổng số tiền thu lợi bất C là 95,326,880 đồng cho những người vay tại cơ sở Khang T, thôn 7, xã Thuỷ Triều, huyện T cụ thể như sau: Trả chị Phạm Thị L, 32,033,000 đồng; trả anh Đỗ V Anh 6,687,200 đồng; trả chị Nguyễn Thị B 222,907 đồng; trả anh Đinh Văn V 13,026,108 đồng; trả anh Nguyễn Văn M 8,094,900 đồng; trả chị Nguyễn Thị D 5,851,300 đồng; trả chị Nguyễn Thị T, 2,368,383 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 3,343,600 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 15,453,900 đồng; trả ông Trần Thế Oanh 917,950 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 790,600 đồng; trả anh Phạm Văn C 557,267 đồng; trả anh Nguyễn Hữu K 5,269,250 đồng.

- Trả lại tổng số tiền thu lợi bất C là 69,214,592 đồng cho những người vay tại cơ sở Khang T, thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ, huyện T cụ thể như sau: Trả anh Đỗ Hữu P 16,925,700 đồng; trả anh Vũ Văn P 15,193,200 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 3,339,750 đồng; trả anh Đinh Văn Đ 5,697,450 đồng; trả anh Nguyễn Phú P 1,243,080 đồng; trả chị Trương Thị Q 4,675,650 đồng; trả anh Nguyễn Hữu K 9,564,512 đồng; trả anh Trần Quang K 7,423,950 đồng; trả anh Trần Văn H 5,151,300 đồng.

[14.2] Đối với khoản lãi 20% (không vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), không tính vào khối lượng buộc tội. Tuy nhiên, đây là lãi phát sinh từ Hành vi phạm tội, nên buộc bị cáo D phải nộp lại sung ngân sách Nhà nước: Cơ sở thôn An T, xã A là 25,254,990 đồng, Cơ sở Thôn 7 xã Thuỷ Triều là 18,273,120 đồng, Cơ sở thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ là 12,725,408 đồng. Tổng là 56,253,518 đồng.

[14.3] Đối với khoản tiền gốc bị cáo D dùng để cho vay: Buộc bị cáo D phải nộp lại số tiền gốc mà những người vay đã trả cho D và những người vay phải nộp lại số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo để thu nộp ngân sách Nhà nước.

[14.3.1] Khoản tiền gốc bị cáo cho vay Nhà người vay chưa trả nên phải nộp lại sung ngân sách Nhà nước được tính như sau:

- Tại cơ sở thôn An T, xã A, những người vay phải nộp lại số tiền là: Anh Lê Văn D phải nộp lại 68,333,333 đồng; chị Nguyễn Thị N phải nộp lại 12,666,667 đồng; anh Vũ Văn T phải nộp lại 136,666,667 đồng; chị Bùi Thị L phải nộp lại 8,750,000 đồng; anh Vũ T H phải nộp lại 7,000,000 đồng; chị Nguyễn Thị D phải nộp lại 12,250,000 đồng; bà Nguyễn Thị H phải nộp lại 38,000,000 đồng; anh Nguyễn Văn H phải nộp lại 7,500,000 đồng; anh Hng Thế T phải nộp lại 38,333,333 đồng; bà Vũ Thị G phải nộp lại 17,333,333 đồng; chị Đỗ Thị Hồng N phải nộp lại 8,666,667 đồng; chị Trần Thị H phải nộp lại 8,166,667 đồng; bà Bùi Thị T phải nộp lại 7,000,000 đồng; bà Vũ Thị H phải nộp lại 3,166,667 đồng; chị Lê Thị Cẩm Q phải nộp lại 56,666,667 đồng; anh Bùi Ngân T phải nộp lại 135,000,000 đồng; chị Đỗ Thị H phải nộp lại 9,166,667 đồng; anh Phạm Văn L

phải nộp lại 12,666,667 đồng; anh Lê Hồng H phải nộp lại 18,333,333 đồng; anh Nguyễn Văn K phải nộp lại 5,000,000 đồng; anh Lê Văn T phải nộp lại 6,333,333 đồng; bà Phạm Thị Đ phải nộp lại 4,166,667 đồng; anh Nguyễn Văn T phải nộp lại 1,166,667 đồng; chị Bùi Thị N phải nộp lại 2,500,000 đồng; anh Nguyễn Phú G phải nộp lại 8,500,000 đồng; chị Đỗ Thị H phải nộp lại 4,166,667 đồng; anh Bùi Văn C phải nộp lại 6,500,000 đồng; anh Phạm Văn Hng phải nộp lại 5,833,333 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay phải nộp lại là 649,833,333 (Sáu trăm bốn chín triệu tám trăm ba ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

- Tại cơ sở Thôn 7, xã T Triều những người vay phải nộp lại số tiền cụ thể là: Chị Phạm Thị L phải nộp lại 15.000.000 đồng; anh Đỗ V Anh phải nộp lại 10,750,000 đồng; chị Nguyễn Thị B phải nộp lại 8,666,667 đồng; anh Đinh Văn V phải nộp lại 42,083,333 đồng; anh Nguyễn Văn M phải nộp lại 10,000,000 đồng; chị Nguyễn Thị D phải nộp lại 10,000,000 đồng; chị Nguyễn Thị T phải nộp lại 5,833,333 đồng; anh Nguyễn Văn T phải nộp lại 20,000,000 đồng; anh Phạm Văn C phải nộp lại 6,666,667 đồng; anh Nguyễn Hữu K phải nộp lại 15,000,000 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay phải nộp lại là 144,000,000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

+ Tại cơ sở, thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ những người vay phải nộp lại số tiền cụ thể là: Anh Đỗ Hữu P phải nộp lại 20,000,000 đồng; anh Vũ Văn P phải nộp lại 10,000,000 đồng; anh Nguyễn Văn T phải nộp lại 10,000,000 đồng; chị Trương Thị Q phải nộp lại 5,000,000 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay phải nộp lại là 45,000,000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Tổng số tiền gốc 65 người vay còn phải trả là: 649,833,333 đồng (cơ sở A) + 144,000,000 đồng (cơ sở Thủy Triều) + 45,000,000 (cơ sở Lập Lễ) tổng là 838,833,333 (Tám trăm ba tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

[14.3.2] Bị cáo D phải nộp lại số tiền gốc mà những người vay là: 980,166,667 đồng (cơ sở A) + 236,000,000 đồng (cơ sở Thủy Triều) + 52,000,000 (cơ sở Lập Lễ), tổng là 1,268,166,667 (một tỷ Hai trăm sáu mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu bảy) đồng.

[15] Về xử L vật chứng:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền 56.400.000đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) nH cần khấu trừ vào số tiền mà bị cáo D phải nộp lại.

- Tịch thu nộp ngân sách nH nước: 06 điện thoại di động thu giữ trên mặt bàn uống nước tại cơ sở thôn An T, xã A là công cụ pH tiện phạm tội gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355678072051570; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử

dụng, số Imei: 35837306338081; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 358593070563012; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu hồng đã qua sử dụng, số Imei: 353335075338031; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei: 355323085535232; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355683071371599;

- Tịch thu nộp ngân sách nH nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xám của Trần Văn D, số Imei1: 35672811763917, Imei2: 356728117345658 thu giữ tại cơ sở thôn An T, xã A là công cụ pH tiện phạm tội.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho các bị cáo nH cần tạm giữ để đảm bảo việc thi Hình án các vật chứng:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số Imei1: 356728117123782, Imei2: 356728117018321 của Trần Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei1: 355045114783406, Imei2: 355045114783404 của Nguyễn Văn N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 3572680900173446 của Nguyễn Hng Hải.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng đồng đã qua sử dụng, số Imei: 353101102582367 của Đào Văn M.

- Trả lại: 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hng Hải cho bị cáo Hải; 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 02F8019770 (thu giữ tại của Hng Khang T, Thôn 7 xã Thủy Triều) và 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 02F8017859 (thu giữ tại của Hng Khang T, Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ) cho bị cáo Trần Văn D.

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Thi Hình an Dân sự thành phố Hải Phòng.

[16] Về vấn đề Kc:

- Đối với những khoản vay Kc theo trích xuất dữ liệu từ phần mềm Mecash trong điện thoại của những đối tượng L quan, Cơ quan điều tra đã xác minh chưa xác định được lai lịch C xác của người vay, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử L sau.

- Đối với Trần Văn H được thuê làm việc tại cơ Khang T ở thôn An T, xã A từ tháng 11/2021 đến thời điểm các đối tượng bị bắt. H có nhiệm vụ cùng Nguyễn Văn N đi thu tiền lãi Hng ngày từ những người vay nH không biết nhân thân lai lịch của người vay và cụ thể từng khoản vay, không rõ số tiền lãi thu được là bao nhiêu. Hiện Trần Văn H vắng mặt tại địa pH, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ Hình vi của H, khi có đủ căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

- Nguyễn Văn Hiền được thuê làm việc tại cơ sở Khang T ở thôn 8, xã T Triều. Nhiệm vụ Hng ngày là dọn dẹp quán và chở Nguyễn Hng Hải đi thu tiền lãi

của người vay. Hiện không biết nhân thân lai lịch của người vay và cụ thể từng khoản vay do mọi thông tin đều do Hải quân L, chưa xác định được Hiện có Hnh vi giúp sức đối với những khoản vay cụ thể nào, số tiền lãi thu được là bao nhiêu. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ Hnh vi của Nguyễn Văn Hiện, khi có đủ căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

- Vũ Văn Tú được thuê làm việc tại cơ sở Khang T ở thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ từ tháng 11/2021 đến thời điểm các đối tượng bị bắt. Tú có nhiệm vụ nhập thông tin Kch vay vào ứng dụng Mecash khi có người đến vay tiền, lấy thông tin người đóng lãi Hng ngày chuyển cho M để M đi thu tiền lãi. Do chưa xác định được Tú có Hnh vi giúp sức chonhững khoản vay cụ thể nào, số tiền lãi thu được là bao nhiêu, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

- Nguyễn Văn L được thuê nấu ăn phục vụ cho các đối tượng tại cơ sở ở thôn 8, xã T Triều, khi các đối tượng bận công việc sẽ nhờ thì nhận tiền lãi của những người vay đến đóng nhằm hưởng tiền công. Đến nay chưa xác định được L nhận tiền lãi từ những khoản vay cụ thể nào, số tiền lãi thu được là bao nhiêu, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

- Các đối tượng Nguyễn Văn TH, Nguyễn Văn H, Hng Thành Công, Bùi Văn NHH chưa xác định được L quan đến khoản cho vay lăicụ thể nào của cơ sở Khang T. Cơ quan điều tra, tiếp tục điều tra, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

[17] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo D phải chịu án phí dân sự tương ứng đối với số tiền trả lại những người vay.

[18] Về Q Kng cáo: Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa nên có Q Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T án.

Những người có Q lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có Q Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 35; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạt tiền bị cáo **Trần Văn D** 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng” trong giao dịch dân sự.

- Phạt tiền bị cáo **Phạm Văn V** 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng” trong giao dịch dân sự.

- Phạt tiền bị cáo **Trần Văn T** 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng” trong giao dịch dân sự.

- Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Văn N** 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng” trong giao dịch dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 35; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạt tiền các bị cáo **Nguyễn Hng Hải, Đào Văn M** mỗi bị cáo 80.000.000 (Tám mươi triệu) về tội “Cho vay lãi nặng” trong giao dịch dân sự.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về tiền thu lợi bất C:

Căn cứ vào các điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1 Buộc bị cáo Trần Văn D phải trả lại cho những người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật Dân sự, cụ thể tổng số tiền **304,789,815** đồng:

- Trả lại tổng số tiền thu lợi bất C là 140,248,343 đồng cho những người vay tại cơ sở Khang T, thôn An T, xã A, huyện T cụ thể như sau: Trả anh Lê Văn D số tiền là 22,012,033 đồng; trả chị Nguyễn Thị N 1,225,987 đồng; Trả anh Vũ Văn T 44,024,067 đồng; trả chị Bùi Thị L 14,814,125 đồng; trả anh Vũ T H 501,540 đồng; trả chị Nguyễn Thị D 459,745 đồng; trả bà Nguyễn Thị H 7,957,620 đồng; trả anh Nguyễn Văn H 417,950 đồng; trả anh Hng Thế T 1,950,433 đồng; trả bà Vũ Thị G 445,813 đồng; trả chị Đỗ Thị Hồng N 222,907 đồng; trả chị Trần Thị H 1,978,297 đồng; trả bà Bùi Thị T 1,142,39 đồng; trả bà Vũ Thị H 1.142.000 đồng; trả anh Lê Văn H 3,343,600 đồng; trả chị Lê Thị Cẩm Q 4,706,767 đồng; trả anh Bùi Ngân T, 2.507.000 đồng; trả chị Đỗ Thị H, 139,317 đồng; trả chị Bùi Thị X 167,180 đồng; trả anh Phạm Văn L 4,569,587 đồng; trả anh Lê Hồng H 1,950,433 đồng; trả anh Nguyễn Văn K 4,179,500 đồng; trả anh Lê Văn T 5,628,393 đồng; trả bà Phạm Thị Đ (Chiến) 975,217 đồng; trả anh Quách Công T 1,003,080 đồng; trả anh Trần Văn H là 1,114,533 đồng; trả anh Nguyễn Văn T là 703,762 đồng; trả chị Nguyễn Thị H là 585,130 đồng; trả chị Nguyễn Thị N là 1,504,620 đồng; trả chị Bùi Thị N 1,253,850 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 1,170,260 đồng; trả anh Nguyễn Phú G 250,770 đồng; trả anh Phạm N T 278,633 đồng; trả anh Phạm Văn Q 278,633 đồng; trả chị Bùi Thị T 557,267 đồng; trả anh Trịnh Nguyên N 417,950 đồng; trả anh Trần Văn H 348,292 đồng; trả chị Đỗ Thị H 152,992 đồng; trả anh Hng Văn T 835,900 đồng; trả chị Đỗ Thị Miên 139,317 đồng; trả chị Trần Thị T 167,180 đồng; trả anh Lê Văn V 417,950 đồng; trả chị Nguyễn Thị B 557,267 đồng; trả chị Đào Thị PH L 222,907 đồng; trả anh Bùi Văn C 585,130 đồng; trả anh Phạm Văn Hng 696,583 đồng.

- Trả lại tổng số tiền thu lợi bất C là 95,326,880 đồng cho những người vay tại cơ sở Khang T, thôn 7, xã Thuỷ Triều, huyện T cụ thể như sau: Trả chị Phạm Thị L, 32,033,000 đồng; trả anh Đỗ V Anh 6,687,200 đồng; trả chị Nguyễn Thị B 222,907 đồng; trả anh Đinh Văn V 13,026,108 đồng; trả anh Nguyễn Văn M 8,094,900 đồng; trả chị Nguyễn Thị D 5,851,300 đồng; trả chị Nguyễn Thị T, 2,368,383 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 3,343,600 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 15,453,900 đồng; trả ông Trần Thế Oanh 917,950 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 790,600 đồng; trả anh Phạm Văn C 557,267 đồng; trả anh Nguyễn Hữu K 5,269,250 đồng.

- Trả lại tổng số tiền thu lợi bất C là 69,214,592 đồng cho những người vay tại cơ sở Khang T, thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ, huyện T cụ thể như sau: Trả anh Đỗ Hữu P 16,925,700 đồng; trả anh Vũ Văn P 15,193,200 đồng; trả anh Nguyễn Văn T 3,339,750 đồng; trả anh Đinh Văn Đ 5,697,450 đồng; trả anh Nguyễn Phú P 1,243,080 đồng; trả chị Trương Thị Q 4,675,650 đồng; trả anh Nguyễn Hữu K 9,564,512 đồng; trả anh Trần Quang K 7,423,950 đồng; trả anh Trần Văn H 5,151,300 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tất cả khoản tiền trả lại cho người vay bị cáo chưa thi Hnh hoặc chưa thi Hnh xong thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi Hnh án.

2.2 Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp lại khoản tiền lãi tương xứng mới mức lãi suất 20%/năm để thu nộp ngân sách nH nước là 56,253,518 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp lại số tiền gốc là 1,268,166,667 đồng để thu nộp ngân sách nH nước.

Trừ cho bị cáo D số tiền 100.000.000đ đã nộp theo biên lai ngày 09/8/2022 của Cục Thi Hnh án Dân sự.

Khấu trừ số tiền cho bị cáo D số tiền 56.400.000đ đã tịch thu.

Bị cáo D còn phải phải nộp **1,168,020,185** (Một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu không trăm Hi mươi nghìn một trăm tám mươi lăm) đồng.

2.3 Buộc những người có Q lợi, nghĩa vụ L quan phải nộp lại tiền gốc còn lại để thu nộp ngân sách nH nước, cụ thể:

- Tại cơ sở thôn An T, xã A, những người vay phải nộp lại số tiền là: Anh Lê Văn D phải nộp lại 68,333,333 đồng; chị Nguyễn Thị N phải nộp lại 12,666,667 đồng; anh Vũ Văn T phải nộp lại 136,666,667 đồng; chị Bùi Thị L phải nộp lại 8,750,000 đồng; anh Vũ T H phải nộp lại 7,000,000 đồng; chị Nguyễn Thị D phải nộp lại 12,250,000 đồng; bà Nguyễn Thị H phải nộp lại 38,000,000 đồng; anh Nguyễn Văn H phải nộp lại 7,500,000 đồng; anh Hng Thế T phải nộp lại 38,333,333 đồng; bà Vũ Thị G phải nộp lại 17,333,333 đồng; chị Đỗ Thị Hồng N phải nộp lại 8,666,667 đồng; chị Trần Thị H phải nộp lại 8,166,667 đồng; bà

Bùi Thị T phải nộp lại 7,000,000 đồng; bà Vũ Thị H phải nộp lại 3,166,667 đồng; chị Lê Thị Cẩm Q phải nộp lại 56,666,667 đồng; anh Bùi Ngân T phải nộp lại 135,000,000 đồng; chị Đỗ Thị H phải nộp lại 9,166,667 đồng; anh Phạm Văn L phải nộp lại 12,666,667 đồng; anh Lê Hồng H phải nộp lại 18,333,333 đồng; anh Nguyễn Văn K phải nộp lại 5,000,000 đồng; anh Lê Văn T phải nộp lại 6,333,333 đồng; bà Phạm Thị Đ phải nộp lại 4,166,667 đồng; anh Nguyễn Văn T phải nộp lại 1,166,667 đồng; chị Bùi Thị N phải nộp lại 2,500,000 đồng; anh Nguyễn Phú G phải nộp lại 8,500,000 đồng; chị Đỗ Thị H phải nộp lại 4,166,667 đồng; anh Bùi Văn C phải nộp lại 6,500,000 đồng; anh Phạm Văn Hng phải nộp lại 5,833,333 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay phải nộp lại là **649,833,333 (Sáu trăm bốn chín triệu tám trăm ba ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.**

- Tại cơ sở Thôn 7, xã T Triều những người vay phải nộp lại số tiền cụ thể là: Chị Phạm Thị L phải nộp lại 15.000.000 đồng; anh Đỗ V Anh phải nộp lại 10,750,000 đồng; chị Nguyễn Thị B phải nộp lại 8,666,667 đồng; anh Đinh Văn V phải nộp lại 42,083,333 đồng; anh Nguyễn Văn M phải nộp lại 10,000,000 đồng; chị Nguyễn Thị D phải nộp lại 10,000,000 đồng; chị Nguyễn Thị T phải nộp lại 5,833,333 đồng; anh Nguyễn Văn T phải nộp lại 20,000,000 đồng; anh Phạm Văn C phải nộp lại 6,666,667 đồng; anh Nguyễn Hữu K phải nộp lại 15,000,000 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay phải nộp lại là **144,000,000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.**

+ Tại cơ sở, thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ những người vay phải nộp lại số tiền cụ thể là: Anh Đỗ Hữu P phải nộp lại 20,000,000 đồng; anh Vũ Văn P phải nộp lại 10,000,000 đồng; anh Nguyễn Văn T phải nộp lại 10,000,000 đồng; chị Trương Thị Q phải nộp lại 5,000,000 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay phải nộp lại là **45,000,000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.**

3. Về xử L vật chứng:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Khấu trừ số tiền 56.400.000đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) để thi hành án đối với bị cáo D.

- Tịch thu nộp ngân sách nH nước:

+ 06 điện thoại thu giữ trên mặt bàn uống nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355678072051570; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 35837306338081; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 358593070563012; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu hồng đã qua sử dụng, số Imei: 353335075338031; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei: 355323085535232; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone vỏ màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355683071371599 thu giữ tại cơ sở thôn A là công cụ phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xám đã qua sử dụng, số Imei1: 35672811763917, Imei2: 356728117345658 của Trần Văn D.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho các bị cáo nH cần tạm giữ để đảm bảo thi Hình án:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số Imei1: 356728117123782, Imei2: 356728117018321 của Trần Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei1: 355045114783406, Imei2: 355045114783404 của Nguyễn Văn N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 3572680900173446 của Nguyễn Hng Hải.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng đồng đã qua sử dụng, số Imei: 353101102582367 của Đào Văn M.

- Trả lại: 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hng Hải cho bị cáo Hải; 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 02F8019770 (thu giữ tại của Hng Khang T, Thôn 7 xã Thủy Triều) và 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 02F8017859 (thu giữ tại của Hng Khang T, Thôn Đầu Cầu, xã Lập Lễ) cho bị cáo Trần Văn D.

Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/6/2022 tại Cục Thi Hình án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Trần Văn D, Phạm Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hng Hải, Đào Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo D phải chịu 15,239,491 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về Q Kng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có Q Kng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T án.

Người có Q lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có Q Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THDS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tổ tụng;
- Phòng KTNV và TH;
- Lưu: HS, HCTP.

Phạm Hữu Trường